BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1405 /QĐ-BTC	*Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Công bố danh mục báo cáo định kỳ trong lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 451/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

LuatVietnam

Căn cứ Thông tư số 16/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 3 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chế độ báo cáo thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP; Nghị định số 140/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 1898/QĐ-BTC ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi chức năng của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các chế độ báo cáo định kỳ trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính như sau:

1. Tiếp tục thực hiện 15 danh mục chế độ báo cáo tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Quyết định số 1898/QĐ-BTC ngày 25/9/2019 của Bộ Tài chính công bố danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

2. Bổ sung 02 chế độ báo cáo mới tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Quyết định số 1898/QĐ-BTC ngày 25/9/2019 của Bộ Tài chính công bố danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (Danh mục kèm theo) gồm:

- Báo cáo tình hình đầu tư ra nước ngoài.

- Báo cáo chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán.

3. Thay thế 03 chế độ báo cáo tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Quyết định số 1898/QĐ-BTC ngày 25/9/2019 của Bộ Tài chính công bố danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính (Danh mục kèm theo) thành 02 chế độ báo cáo gồm:

- Báo cáo kế hoạch tài chính của doanh nghiệp thay thế Báo cáo đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm kế tiếp (Số thứ tự 06 mục II Phụ lục 10).

- Báo cáo tình hình tái cơ cấu doanh nghiệp thay thế Báo cáo tình hình cổ phần hóa, thoái vốn, cơ cấu lại DNNN (Số thứ tự 04 mục I Phụ lục 10) và Báo cáo tình hình tái cơ cấu (Số thứ tự 08 mục II Phụ lục 10).

LuatVietnam

4. Bãi bỏ 01 chế độ báo cáo tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Quyết định số 1898/QĐ-BTC ngày 25/9/2019 của Bộ Tài chính công bố danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính: Báo cáo tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (Số thứ tự 09 mục I Phụ lục 10).

Điều 2. Cục Tin học và Thống kê tài chính công khai danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài chính.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ Tài chính, Cục trưởng Cục Tin học và Thống kê tài chính, Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Hồ Đức Phớc (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;
- UBND và Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Tập đoàn, Tổng công ty 100% vốn nhà nước;
- Website Bộ Tài chính (để đăng tải);
- Lưu: VT, TCDN (155b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Huỳnh Quang Hải

DANH MỤC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 1405 /QĐ-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính)

PHẦN I. DANH MỤC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

A. Danh mục chế độ báo cáo mới

STT	Tên báo cáo	Văn bản quy định chế độ báo cáo
1	Báo cáo tình hình đầu tư ra nước ngoài.	Điểm c khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 9 Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP; Nghị định số 140/2020/NĐ-CP.
2	Báo cáo chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán.	Gạch đầu dòng thứ 2 điểm a khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 9 Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP; Nghị định số 140/2020/NĐ-CP.

LuatVietnam

B. Danh mục chế độ báo cáo sửa đổi, thay thế

STT	Tên báo cáo	Tên báo cáo thay thế	Văn bản quy định chế độ báo cáo
1	Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm	Báo cáo kế hoạch tài chính của doanh nghiệp.	Điều 8, điểm a khoản 3 Điều 9 Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản

	kế tiếp.		lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP; Nghị định số 140/2020/NĐ-CP.
2	Báo cáo tình hình cổ phần hóa, thoái vốn, cơ cấu lại DNNN. Báo cáo tình hình tái cơ cấu.	Báo cáo tình hình tái cơ cấu doanh nghiệp.	Điểm b khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 9 Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP; Nghị định số 140/2020/NĐ-CP; Quyết định 26/2019/QĐ-TTg ngày 15/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa đến hết năm 2020 và Quyết định số 908/QĐ-TTg ngày 29/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020.

LuatVietnam

C - Danh mục chế độ báo cáo bị bãi bỏ

STT	Tên báo cáo	Văn bản quy định chế độ báo cáo
1	Báo cáo tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	Do Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp hết hiệu lực kể từ ngày 10/7/2021.

PHẦN II. CHI TIẾT NỘI DUNG CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

A. Danh mục chế độ báo cáo mới

1. Báo cáo tình hình đầu tư ra nước ngoài

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo:

- Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước; người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu (các Bộ quản lý ngành, Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương).

1.2. Cơ quan nhận báo cáo:

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan tài chính cùng cấp và Bộ Tài chính đối với các báo cáo do doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và báo cáo do người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thực hiện.

LuatVietnam

- Bộ Tài chính đối với các báo cáo do cơ quan quan đại diện chủ sở hữu thực hiện.

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: hàng năm

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Điểm c khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 9 Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP; Nghị định số 140/2020/NĐ-CP.

2. Báo cáo chỉ tiêu ngoại bảng cân đối kế toán

2.1. Đối tượng thực hiện báo cáo:

- Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước; người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu (các Bộ quản lý ngành, Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2.2. Cơ quan nhận báo cáo:

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan tài chính cùng cấp và Bộ Tài chính đối với các báo cáo do doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và báo cáo do người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thực hiện.

- Bộ Tài chính đối với các báo cáo do cơ quan quan đại diện chủ sở hữu thực hiện.

2.3. Tần suất thực hiện báo cáo: Hàng năm; Quý (đối với báo cáo của doanh nghiệp 100% vốn nhà nước).

2.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Điểm a khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 9 Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP; Nghị định số 140/2020/NĐ-CP.

B. Danh mục chế độ báo cáo thay thế

1. Báo cáo kế hoạch tài chính của doanh nghiệp

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo:

- Doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

LuatVietnam

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu (các Bộ quản lý ngành, Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương).

1.2. Cơ quan nhận báo cáo:

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan tài chính cùng cấp và Bộ Tài chính đối với các báo cáo do doanh nghiệp 100% vốn nhà nước; người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thực hiện.

- Bộ Tài chính đối với các báo cáo do Bộ quản lý ngành, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện.

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: Hàng năm.

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Điều 8, điểm a khoản 3 Điều 9 Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP; Nghị định số 140/2020/NĐ-CP.

2. Báo cáo tình hình tái cơ cấu doanh nghiệp

2.1. Đối tượng thực hiện báo cáo:

- Doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu;

- Bộ Tài chính.

2.2. Cơ quan nhận báo cáo:

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan tài chính cùng cấp và Bộ Tài chính đối với các báo cáo do doanh nghiệp 100% vốn nhà nước đang tái cơ cấu thực hiện, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thực hiện.

LuatVietnam

- Bộ Tài chính đối với các báo cáo do cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện.

- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo đổi mới và Phát triển doanh nghiệp đối với báo cáo do Bộ Tài chính thực hiện.

2.3. Tần suất thực hiện báo cáo: Quý, năm.

2.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Điểm b khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 9 Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP; Quyết định 26/2019/QĐ-TTg ngày 15/8/2019 và Quyết định số 908/QĐ-TTg ngày 29/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ./.